

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30/3/2021

V/v tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn;
Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Khắc Đình

Ông Hoàng Mạnh Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham dự phiên tòa:
Bà Cù Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 03/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn; thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐXX-ST ngày 09 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐ-ST ngày 19 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Th, sinh năm 1988; có mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã Th, huyện H, Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Bá T, sinh năm 1988; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã Th, huyện H, Thanh Hóa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Minh H - Chủ tịch; vắng mặt

3.2. Ủy ban nhân dân xã Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Huy B - Chủ tịch; vắng mặt

3.3. Bà Trần Thị T, sinh năm 1966; có mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã Th, huyện H, Thanh Hóa.

3.4. Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1985; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện Th, tỉnh Thái Bình.

3.5. Chị Đỗ Thị Tr, sinh năm 1991; vắng mặt,

Địa chỉ: Xóm C, xã K, huyện Đ, Hà Nội.

3.6. Chị Đỗ Thị D, sinh năm 1994; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện Th, tỉnh Thái Bình.

3.7. Chị Đỗ Thị Ng, sinh năm 1996; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

3.8. Anh Đỗ Bá Đ, sinh năm 2000; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã Th, huyện H, Thanh Hóa.

3.9. Văn phòng công chứng H; vắng mặt,

Địa chỉ: Số nhà 18, khu 5, thị trấn L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 24/5/2018, bản tự khai, đơn trình bày và quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Đỗ Thị Th trình bày và yêu cầu: Chị Đỗ Thị Th và anh Đỗ Bá T đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 115/2017/QĐST-HNGĐ ngày 01/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, theo quyết định giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Hồng Nh, sinh ngày 18/5/2011, giao cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Hạ V, sinh ngày 30/10/2013, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chị Th và anh T chưa yêu cầu giải quyết.

Nay chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của chị Th và anh T có trước khi ly hôn, tài sản gồm có: Diện tích đất 135m thửa 444a tờ bản đồ số 14, mục đích sử dụng đất: đất ở tại nông thôn; được UBND huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 602284 ngày 27/3/2012, chủ sử dụng là hộ ông Đỗ Bá T và bà Đỗ Thị Th. Năm 2015 nhà nước làm đường đã thu hồi 31m², diện tích đất còn lại là 104m². Trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 lợp tôn diện tích trên toàn bộ diện tích đất. Chị Th có nguyện vọng chia đôi tài sản cho anh T và chị Th. Sau khi thỏa thuận về việc nuôi con, anh T có nghĩa vụ chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đỗ Hồng Nh, chị Th có nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Hạ V. Tuy nhiên thực tế là chị Th đã nuôi cả hai con chung từ sau khi ly hôn cho đến nay, anh T không có mặt tại địa phương, không chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nh. Vì vậy chị Th đề nghị Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con; chị Th là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nh. Chị Th chưa yêu cầu giải quyết việc buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì hiện nay anh T không có mặt tại địa phương.

- Tại bản tự khai ngày 09/7/2018 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Đỗ Bá T trình bày: Về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo pháp luật. Về tài sản: Anh T và chị Th được mẹ

anh T là bà Trần Thị T cho một mảnh đất diện tích 135m² (hiện any còn 104m², vì nhà nước đã thu hồi 31m² để mở rộng đường), sau đó anh T và chị Th làm nhà lợp tôn trên thửa đất, trị giá nhà khoảng 80.000.000 đồng. Anh T đồng ý chia tài sản chung của anh T và chị Th là ngôi nhà trên đất, còn diện tích đất thì anh T không đồng ý chia, anh T có nguyện vọng trả lại thửa đất trên cho bà Trần Thị T, vì đây là đất ông cha để lại.

- Trong đơn yêu cầu ngày 26/6/2020 và quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Trần Thị T trình bày: Bà Trần Thị T không đồng ý việc chị Th yêu cầu chia tài sản chung của anh T và chị Th sau ly hôn là diện tích 135m² đất và nhà trên đất, vì diện tích đất anh T chị Th được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là bà chỉ tách giấy CNQSDĐ để anh T chị Th vốn vay làm ăn. Chị Th tự soạn biên bản họp gia đình, đơn xin tặng cho quyền sử dụng đất và đưa bà Trần Thị T xuống phòng công chứng làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất. Không có việc họp gia đình, bà T ký tên trong hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và thủ tục để anh T chị Th được cấp Giấy CNQSDĐ nhưng bà Th không được đọc nên không biết nội dung bên trong là gì. Vì vậy bà T đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 602284 mà UBND huyện H đã cấp cho Đỗ Bá T và Đỗ Thị Th ngày 27/3/2012.

- Tại bản tự khai ngày 18/01/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Thị H, chị Đỗ Thị Tr, chị Đỗ Thị D, chị Đỗ Thị Ng và anh Đỗ Bá Đ trình bày như sau: Các anh chị là con đẻ của bà Trần Thị T và ông Đỗ Bá T1 (ông T1 đã chết) đều sinh ra và lớn lên tại mảnh đất ông bà để lại cho bố mẹ các anh chị. Nay bà T tách một phần diện tích đất cho anh T chị Th làm ăn, nhưng không được sự đồng ý của các thành viên trong gia đình, các thành viên không được tham gia họp gia đình để cho đất anh T chị Th. Ngôi nhà trên đất của anh T chị Th xây dựng thì nguồn tiền là nhận bồi thường khi nhà nước thu hồi một phần đất trong diện tích mà bà T tách cho anh T chị Th. Nay các anh chị không đồng ý chia diện tích đất của ông cha để lại. Đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện H đã cấp cho anh T chị Th ngày 27/3/2012.

- Tại Công văn số 208/CV-VPĐK ngày 25/12/2019 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện H cung cấp thông tin liên quan đến vụ án: Qua công tác kiểm tra hồ sơ đăng ký biến động cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Trần Thị T, thôn L, xã Th tặng cho con trai và con dâu theo hợp đồng công chứng số 331 quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/3/2012 tại Văn phòng công chứng H. Nội dung trong hợp đồng là tặng cho 135m² đất tờ 14, thửa 444, bản đồ địa chính xã Th, tặng cho ông Đỗ Bá T, sinh năm 1988 và cùng vợ là Đỗ Thị Th, sinh năm 1988.

- Tại Báo cáo số 37/BC-UBND ngày 11/11/2019 của UBND xã Th về việc liên quan đến hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Đỗ Bá T và Đỗ Thị Th: Thông tin thửa đất: Thửa đất số 444a, tờ bản đồ số 14, được tách từ thửa 444, tờ bản đồ số 14, diện tích 135m². Chủ sử dụng hộ ông Đỗ Bá T và bà Đỗ Thị Th. Nhận tặng cho từ bà Trần Thị T. Thời điểm nhận tặng cho tháng 3/2012. Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 60228, số vào sổ cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất BH 602284 do UBND huyện H cấp ngày

27/3/2012. Hồ sơ liên quan gồm: Biên bản họp gia đình ngày 01/3/2012; Đơn xin tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ký ngày 01/3/2012; Trích lục bản đồ khu đất ngày 03/3/2012; Bản sao giấy chứng tử của ông Đỗ Bá T1 (chồng bà T); Bản sao giấy khai sinh của ông Đỗ Bá T; Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng văn bản; Hợp đồng tặng cho; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Đỗ Bá T và bà Đỗ Thị Th

- Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 18/01/2021.

Tài sản là đất tại thửa 444a tờ bản đồ số 14, diện tích đất 104m², tứ cận như sau:

Phía Tây giáp Quốc lộ 10, dài 6,67m

Phía Đông giáp công sở xã Th cũ, dài 6,67m

Phía Nam giáp nhà bà Th, 15,6m

Phía Nam giáp đất bà Trần Thị T, 15,6m

Giá trị đất: 104m² x 1.400.000đ/m² = 145.600.000đ

Tài sản trên đất: 01 nhà mái lợp proximang diện tích 104m² xây dựng năm 2015, từ tháng 02/2020 đến ngày thẩm định đóng cửa không ai sử dụng. Giá trị hiện tại của ngôi nhà 81.432.000đ.

Tổng giá trị đất và nhà: 145.600.000đ + 81.432.000đ = 228.332.800 đồng.

- Tại phiên tòa các đương sự không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ gì; Nguyên đơn là chị Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị Th có nguyện vọng để cho anh T được sử dụng toàn bộ tài sản chung là nhà, đất nhưng phải trả cho chị phần chênh lệch tài sản bằng tiền và chị phải được hưởng phần nhiều hơn anh T, vì hiện nay chị nuôi cả hai con chung. Anh T hiện không có mặt tại địa phương nên chị Th chưa yêu cầu giải quyết về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung, khi anh T có mặt tại địa phương chị sẽ yêu cầu sau.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T xin rút yêu cầu về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 602284 mà UBND huyện H đã cấp cho Đỗ Bá T và Đỗ Thị Th ngày 27/3/2012; lý do bà thống nhất đã ký tặng cho anh T chị Th quyền sử dụng diện tích 135m². Bà T đồng ý chia nhà đất cho chị Th, anh T phải được sử dụng toàn bộ nhà đất và anh T trả tiền cho chị Th, nhưng chị Th chỉ được một phần ít trong tổng giá trị tài sản, vì chị Th không có công sức gì trong khối tài sản là nhà và đất đứng tên anh T chị Th; Đối với nội dung yêu cầu thay đổi người nuôi cháu Đỗ Hồng Nh, thì hiện anh Tuấn đã lấy vợ và có con, không ở tại địa phương từ đầu năm 2020 đến nay, cháu Nh đang ở với chị Th, nếu chị Th không nuôi được thì bà T sẽ nuôi cả cháu Nh và cháu V, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng.

Bị đơn là anh Đỗ Bá T; Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND huyện H, UBND xã Th, Văn phòng công chứng Hậu L, chị Đỗ Thị H, chị Đỗ Thị Tr, chị Đỗ Thị D, chị Đỗ Thị Ng và anh Đỗ Bá Đ vắng mặt.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 33, khoản 5 Điều 59, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 107 Bộ luật Dân sự năm 2005; Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị Th, đình chỉ nội dung đơn yêu cầu độc lập của bà Trần Thị T về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giao cháu Đỗ Hồng Nh sinh ngày 18/5/2011 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, Chị Th chưa yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Công nhận tài sản chung của anh T chị Th là nhà đất tại thôn L, xã Th, huyện H diện tích 105m² có giá trị 227.032.000đ. Chia đôi tài sản chung, giao nhà đất cho anh T trực tiếp sử dụng, anh T phải trả lại ½ giá trị chênh lệch cho chị Th là 113.516.000đ.

Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 chị Th phải chịu án phí thay đổi người trực tiếp nuôi con là 300.000đ, chị Th anh T phải chịu án phí tương ứng với giá trị tài sản được chia.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn và thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn là tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Trần Thị T và chị Đỗ Thị H, Đỗ Thị Tr, Đỗ Thị D, Đỗ Thị Ng, Đỗ Bá Đ (người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) yêu cầu hủy quyết định cá biệt (hủy Giấy CNQSDĐ số BH 60228, sổ vào sổ cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất CH0116 do UBND huyện H cấp ngày 27/3/2012). Vì vậy Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 34, 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND huyện H, UBND xã Th, Văn phòng công chứng H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt; chị Đỗ Thị H, chị Đỗ Thị Tr, chị Đỗ Thị D, chị Đỗ Thị Ng, Đỗ Bá Đ có đơn xin vắng mặt. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị T, chị Đỗ Thị H, chị Đỗ Thị Tr, chị Đỗ Thị D, chị Đỗ Thị Ng và anh Đỗ Bá Đ về việc yêu cầu hủy Giấy CNQSDĐ số BH 60228, sổ vào sổ cấp Giấy CNQSDĐ CH0116 do UBND huyện Hậu Lộc cấp ngày 27/3/2012 cho anh Đỗ Bà T và chị Đỗ Thị Th.

- Tại phiên tòa, bà Trần Thị T rút yêu cầu hủy Giấy CNQSDĐ số BH 60228, sổ vào sổ cấp Giấy CNQSDĐ CH0116 do UBND huyện H cấp ngày

27/3/2012 cho anh hộ ông Đỗ Bà T và bà Đỗ Thị Th là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Thủy.

- Xét yêu cầu của chị Đỗ Thị Hu, chị Đỗ Thị Tr, chị Đỗ Thị Thị D, chị Đỗ Thị Ng và anh Đỗ Bá Đ về việc yêu cầu hủy Giấy CNQSDĐ số BH 60228, số vào sổ cấp Giấy CNQSDĐ CH0116 do UBND huyện H cấp ngày 27/3/2012 cho anh Đỗ Bà T và chị Đỗ Thị Th.

Về nguồn Thừa đất 444a tờ bản đồ số 14, diện tích 135m² được UBND huyện H cấp Giấy CNQSDĐ số BH 60228 ngày 27/3/2012 cho anh Đỗ Bà T và chị Đỗ Thị Th, được tách ra từ thửa 444 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Trần Thị T. Tại phiên tòa bà T khẳng định bà là người ký thủ tục tặng cho anh T chị Th và hồ sơ tặng cho quyền sử dụng thửa đất có đầy đủ các giấy tờ theo quy định, cụ thể: Biên bản họp gia đình ngày 01/3/2012; Đơn xin tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ký ngày 01/3/2012; Trích lục bản đồ khu đất ngày 03/3/2012; Bản sao giấy chứng tử của ông Đỗ Bá T1 (chồng bà T); Bản sao giấy khai sinh của ông Đỗ Bá T. Thẩm quyền và thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo theo quy định pháp luật.

Các con của bà T là chị H, chị Tr, chị D, chị Ng và anh Đ cho rằng bà T không có quyền tặng cho anh T chị Th đất của ông bà để lại, và các anh chị không ký vào biên bản họp gia đình để cho anh T chị Th đất; Tuy nhiên thửa đất 444 có nguồn gốc của ông cha để lại, năm 2002 ông Đỗ Bá T1 (chồng bà T) đã chết, đến ngày 30/6/2006 hộ bà Trần Thị T đã được UBND huyện H cấp Giấy CNQSDĐ đối với diện tích đất 360m² tại thửa 444. Theo quy định tại Điều 107 Bộ luật dân sự năm 2005 thì Chủ hộ là đại diện của hộ gia đình trong các giao dịch dân sự vì lợi ích chung của hộ; Giao dịch dân sự do người đại diện của hộ gia đình xác lập, thực hiện vì lợi ích chung của hộ làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cả hộ gia đình. Như vậy tại thời điểm làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất thì bà Trần Thị T là chủ hộ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp, bà Th ký hợp đồng tặng cho anh T chị Th quyền sử dụng đất là hoàn toàn hợp pháp.

Hơn nữa, sau khi được tặng cho đất thì anh T và chị Th đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ngày 27/3/2012, xây nhà và sử dụng ổn định từ khi được tặng cho quyền sử dụng đất, năm 2015 nhà nước thu hồi một phần diện tích đất là 31m² anh T và chị Th là người nhận bồi thường và phá nhà cũ để xây dựng ngôi nhà bằng tôn trên toàn bộ diện tích đất còn lại là 104m² và sinh sống ổn định đến năm 2017 thì anh T và chị Th ly hôn. Mọi người trong gia đình bà T đều biết rõ nhưng không ai có ý kiến gì, không ai khiếu nại gì về việc cấp đất, xây nhà. Chỉ khi ly hôn thì bà T và gia đình, kể cả anh T đều không đồng ý chia đất cho chị Th.

Như vậy, việc chị Đỗ Thị H, chị Đỗ Thị Tr, chị Đỗ Thị D, chị Đỗ Thị Ng và anh Đỗ Bá Đ yêu cầu hủy Giấy CNQSDĐ số BH

60228 do UBND huyện H cấp ngày 27/3/2012 cho anh Đỗ Bà T và chị Đỗ Thị Th là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu của chị Đỗ Thị Th về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn đối với diện tích đất 104 (135m² đã thu hồi 31m²) thửa 444a tờ bản đồ số 14, đã được UBND huyện H cấp Giấy CNQSDĐ số BH 60228 ngày 27/3/2012 cho anh Đỗ Bà T và chị Đỗ Thị Th.

Như đã phân tích tại mục [2] nói trên, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định tài sản chung của anh T và chị Th có trong thời kỳ hôn nhân là diện tích đất 135m² (năm 2015 nhà nước đã thu hồi 31m², còn lại 104m²) tại thửa 444a tờ bản đồ số 14, loại đất thổ, đã được UBND huyện H cấp Giấy CNQSDĐ số BH 60228 ngày 27/3/2012 cho anh Đỗ Bà T và chị Đỗ Thị Th. Tài sản trên đất là ngôi nhà lợp tôn toàn bộ diện tích 104m² có tổng giá trị 227.032.000 đồng, sẽ được chia cho anh T và chị Th theo quy định pháp luật.

Theo nguyên tắc giải quyết tài sản chung của vợ chồng là chia đôi, tuy nhiên nguồn gốc tài sản là của gia đình anh Tuấn tặng cho nên chia cho anh T phần nhiều hơn, cụ thể chia cho anh T 55% tổng giá trị tài sản, chị Th 45% tổng giá trị tài sản Th là phù hợp với quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị Th có nguyện vọng giao toàn bộ tài sản chung là nhà, đất cho anh T sử dụng, sở hữu, anh T phải trả cho chị giá trị bằng tiền; xét thấy nguyện vọng của chị Th là tự nguyện và phù hợp nên được chấp nhận. Cụ thể: Anh T được chia giá trị tài sản là $227.032.000đ \times 55\% = 124.867.600đ$. Chị Th được chia giá trị tài sản là $227.032.000đ \times 45\% = 102.164.400đ$. Giao cho anh T toàn quyền sử dụng, sở hữu tài sản chung của anh T chị Th là diện tích đất 104m² (135m² đã thu hồi 31m²) thửa 444a, tờ bản đồ số 14, đã được UBND huyện H cấp Giấy CNQSDĐ số BH 60228 ngày 27/3/2012 cho anh Đỗ Bà T và chị Đỗ Thị Th và ngôi nhà trên đất, địa chỉ thôn L, xã Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; anh T phải trả cho chị Th số tiền là 102.164.400đ. Anh T có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh Giấy CNQSDĐ số BH 60228 ngày 27/3/2012 theo quy định pháp luật.

- Xét yêu cầu của chị Đỗ Thị Th về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 115/2017/QĐST-HNGĐ ngày 01/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, thì anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Hồng Nh, sinh ngày 18/5/2011, chị Th trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Hạ V, sinh ngày 30/10/2013, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên chị Th khẳng định từ sau khi ly hôn đến nay chị Th là người trực tiếp nuôi cả hai con chung là cháu Nh và cháu V, anh T không nuôi cháu Nh, anh T đã không có mặt tại địa phương từ đầu năm 2020 đến nay. Bà T (mẹ anh T) cũng thừa nhận cháu Nh do chị Th chăm sóc nuôi dưỡng, anh T đã kết hôn có con và hiện đang sinh sống trong miền nam, nếu chị Th không nuôi cháu Nh và cháu V thì để bà T nuôi hai cháu. Như vậy, có căn cứ xác định anh T không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nh theo quyết định của Tòa án. Để

đảm bảo quyền lợi cho cháu Nh cũng như nguyện vọng của cháu Nh muốn ở với chị Th, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Th, giao cháu Đỗ Hồng Nh, sinh ngày 18/5/2011 cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay anh T không có mặt tại địa phương nên chị Th chưa yêu cầu giải quyết trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung của anh T, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Anh T, chị Th phải chịu án phí đối với phần tài sản được chia. Anh T phải chịu án phí không giá ngạch đối với yêu cầu thay thay đổi người trực tiếp nuôi con của chị Th được Tòa án chấp nhận.

Về chi phí thẩm định, định giá: Chị Th đã nộp toàn bộ chi phí thẩm định, định giá tài sản là 4.500.000 đồng; Anh T phải trả lại cho chị Th tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản tương ứng với tỷ lệ giá trị phần tài sản được hưởng là 2.475.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1, 3 Điều 28; Điều 34; Điều 37; khoản 2 Điều 147; Điều 157; Điều 227; Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 59; Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Khoản 2 Điều 26; điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Xử:

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Trần Thị T về việc yêu cầu hủy Giấy CNQSDĐ số BH 60228 do UBND huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 27/3/2012 cho anh Đỗ Bà T và chị Đỗ Thị Th.

- Bác yêu cầu của chị Đỗ Thị Hu, chị Đỗ Thị Tr, chị Đỗ Thị D, chị Đỗ Thị Ng và anh Đỗ Bá Đ về việc yêu cầu hủy Giấy CNQSDĐ số BH 60228 do UBND huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 27/3/2012 cho anh Đỗ Bà T và chị Đỗ Thị Th.

- Chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Thị Th về việc chia tài sản sau khi ly hôn: Xác định tài sản chung của anh T và chị Th gồm: Diện tích đất 104m² (135m² đã thu hồi 31m²) tại thửa 444a tờ bản đồ số 14, loại đất thổ, đã được UBND huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy CNQSDĐ số BH 60228 ngày 27/3/2012 cho anh Đỗ Bà T và chị Đỗ Thị Th. Tài sản trên đất là ngôi nhà lợp tôn toàn bộ diện tích 104m². Tổng giá trị tài sản chung của anh T và chị Th là 227.032.000 đồng.

Chia cho anh Đỗ Bá T được hưởng phần giá trị tài sản là 124.867.600 đồng. Chị Th được chia phần giá trị tài sản là 102.164.400 đồng.

Giao cho anh T toàn quyền sử dụng, sở hữu tài sản chung của anh T chị Th là diện tích đất 104m² (135m² đã thu hồi 31m²) thửa 444a, tờ bản đồ số 14, đã được UBND huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy CNQSDĐ số BH 60228 ngày 27/3/2012 cho anh Đỗ Bá T và chị Đỗ Thị Th và ngôi nhà trên đất; địa chỉ thôn L, xã Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa;

Anh T phải trả cho chị Th số tiền là 102.164.400 đồng. Anh T có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh Giấy CNQSDĐ số BH 60228 ngày 27/3/2012 theo quy định pháp luật.

- Chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Thị Th về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Giao cháu Đỗ Hồng Nh, sinh ngày 18/5/2011 cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Th chưa yêu cầu giải quyết trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung của anh T.

3. Về án phí và chi phí thẩm định, định giá tài sản:

Chị Th đã nộp toàn bộ chi phí thẩm định, định giá tài sản là 4.500.000 đồng; Anh T phải trả lại cho chị T tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản tương ứng với tỷ lệ giá trị phần tài sản được hưởng là 2.475.000 đồng.

Anh T phải chịu 6.243.380 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Chị Th phải chịu 5.108.220 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 4.680.000 đồng tại Biên lai thu số AA/2017/0003018 ngày 27/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa; chị Th còn phải nộp 248.220 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và chị Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T chậm thi hành số tiền phải trả cho chị Th thì phải chịu tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS huyện Hậu Lộc;
- Dương sự;
- Tổ HC-TP;
- Lưu HS.

(đã ký)

Lê Thị Hiệu

